

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ KHE MO

Số: 385/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khe Mo, ngày 31 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2024  
của UBND xã Khe Mo

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHE MO**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015*

*Căn cứ luật ngân sách NN ngày 25/6/2015.*

*Căn cứ nghị định 163/2016 NĐ-CP ngày 21/12/2016 của chính phủ quy định chi tiết một số điều chi tiết luật ngân sách.*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Đông Hỷ về việc giao dự toán thu chi ngân sách huyện Đông Hỷ năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Khe Mo về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2024;*

*Theo đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2024 của UBND xã Khe Mo

*(Theo các biểu đính kèm).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND xã, bộ phận tài chính, trưởng các ngành, đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận**

- Phòng TC-KH Đông Hỷ
- TT HĐND xã
- Lưu VP, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Duy Hưng**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)**

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	6.310.000.000	10.733.224.109	170,1
1.	Các khoản thu 100%	35.000.000	19.439.973	55,54
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	203.000.000	568.626.439	280,11
3.	Thu chuyển nguồn		81.351.829	
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.072.000.000	9.980.667.958	164,37
	- Bổ sung cân đối ngân sách	6.072.000.000	6.072.000.000	100
	- Bổ sung có mục tiêu		3.908.667.958	
II.	Tổng số chi		9.148.507.616	
1.	Chi đầu tư phát triển		1.576.792.833	
2.	Chi thường xuyên		7.571.714.783	
3.	Dự phòng			



**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ**

**Năm 2024**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>6.630.000.000</b>	<b>6.310.000.000</b>	<b>12.077.453.440</b>	<b>10.955.803.517</b>	<b>182,16</b>	<b>173,63</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>35.000.000</b>	<b>35.000.000</b>	<b>345.731.626</b>	<b>241.391.277</b>	<b>987,8</b>	<b>689,69</b>
- Phí, lệ phí	20.000.000	20.000.000	18.918.202	18.918.202	94,59	94,59
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	15.000.000	15.000.000	326.813.424	222.473.075	2.178,76	1.483,15
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>523.000.000</b>	<b>203.000.000</b>	<b>1.586.564.117</b>	<b>569.254.543</b>	<b>303,36</b>	<b>280,42</b>
<b>1. Các khoản thu phân chia</b>	<b>103.000.000</b>	<b>73.000.000</b>	<b>191.120.051</b>	<b>136.587.759</b>	<b>185,55</b>	<b>187,11</b>
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	28.000.000	28.000.000	67.155.462	67.155.462	239,84	239,84
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	15.000.000	15.000.000	14.900.000	14.900.000	99,33	99,33
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	60.000.000	30.000.000	109.064.589	54.532.297	181,77	181,77
<b>2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>	<b>420.000.000</b>	<b>130.000.000</b>	<b>1.395.444.066</b>	<b>432.666.784</b>	<b>332,25</b>	<b>332,82</b>
- Thuế giá trị gia tăng	130.000.000	130.000.000	154.253.251	148.083.127	118,66	113,91
- Thuế TNDN			795.417.638	284.583.657		
- Thuế thu nhập cá nhân	290.000.000		445.773.177		153,71	
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>			<b>81.351.829</b>	<b>81.351.829</b>		
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>			<b>83.137.910</b>	<b>83.137.910</b>		
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>6.072.000.000</b>	<b>6.072.000.000</b>	<b>9.980.667.958</b>	<b>9.980.667.958</b>	<b>164,37</b>	<b>164,37</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	6.072.000.000	6.072.000.000	6.072.000.000	6.072.000.000	100	100
- Bổ sung có mục tiêu			3.908.667.958	3.908.667.958		





**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ**

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

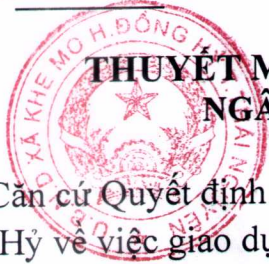
Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Tổng chi ngân sách xã</b>	6.310.000.000		6.310.000.000	9.148.507.616	1.497.566.619	7.650.940.997	145		121
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	690.000.000		690.000.000	1.040.354.704		1.040.354.704	151		151
- Chi dân quân tự vệ	390.000.000		390.000.000	509.208.744		509.208.744	131		131
- Chi trật tự an toàn xã hội	300.000.000		300.000.000	531.145.960		531.145.960	177		177
2. Chi giáo dục									
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	85.000.000		85.000.000	115.344.000		115.344.000	136		136
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	127.526.390	72.932.990	54.593.400	364		156
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	580.633.674	524.139.894	56.493.780	2.323		226
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	33.000.000		33.000.000	641.751.382	474.265.168	167.486.214	1.945		508
- Giao thông				474.265.168	474.265.168				
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	33.000.000		33.000.000	88.260.000		88.260.000	267		267
- Thị chính, quy hoạch				79.226.214		79.226.214			
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.250.000.000		5.250.000.000	6.604.995.466	426.228.567	6.178.766.899	126		118
Trong đó: Quỹ lương				5.918.026.954		5.918.026.954			
10.1. Quản lý Nhà nước	2.522.000.000		2.522.000.000	3.418.278.006	426.228.567	2.992.049.439	136		119
10.2. Hội đồng nhân dân	400.000.000		400.000.000	434.828.492		434.828.492	109		109
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	850.000.000		850.000.000	1.027.062.314		1.027.062.314	121		121
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	650.000.000		650.000.000	672.438.564		672.438.564	103		103
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	140.000.000		140.000.000	171.777.524		171.777.524	123		123
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	170.000.000		170.000.000	211.115.482		211.115.482	124		124
10.7. Hội Cựu chiến binh	170.000.000		170.000.000	187.642.882		187.642.882	110		110
10.8. Hội Nông dân	170.000.000		170.000.000	215.824.602		215.824.602	127		127



Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	36.000.000		36.000.000	48.299.200		48.299.200	134		134
10.10. Hội Người cao tuổi	32.000.000		32.000.000	100.610.400		100.610.400	314		314
10.11. Hội khuyến học	22.000.000		22.000.000	24.306.000		24.306.000	110		110
10.12. Chi cho các hội đặc thù (Da cam, khuyến học, người mù, TNXP...)	88.000.000		88.000.000	92.812.000		92.812.000	105		105
11. Chi cho công tác xã hội	34.000.000		34.000.000	37.902.000		37.902.000	111		111
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	34.000.000		34.000.000	37.902.000		37.902.000	111		111
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
- Trợ cấp xã hội									
- Khác									
12. Chi nộp trả ngân sách cấp trên									
13. Dự phòng	80.000.000		80.000.000						
14. Tiết kiệm chi	78.000.000		78.000.000						
15. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

**UỶ BAN NHÂN DÂN  
XÃ KHE MO**



**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN  
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

Căn cứ Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao dự toán thu chi ngân sách huyện Đồng Hỷ năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Khe Mo về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã Khe Mo năm 2024

UBND xã Khe Mo báo cáo ước thực hiện dự toán thu chi Năm 2024 như sau:

**I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2024:**

**1. Thu ngân sách:**

Thu ngân sách nhà nước Năm 2024 đạt 789 triệu đồng/558 triệu đồng = 136% dự toán giao; Thu ngân sách xã đạt 427 triệu đồng/ 238 triệu đồng = 179% dự toán huyện giao.

Để có được kết quả trên là do được sự chỉ đạo kịp thời của Chi cục thuế cùng với sự sát sao của Thường vụ Đảng ủy, HĐND với các biện pháp cương quyết của UBND, Hội đồng tư vấn thuế thường xuyên bám nắm địa bàn, khai thác triệt để các nguồn thu hiện có, đảm bảo thu đúng, thu đủ không để thất thoát nguồn thu.

**2/ Chi ngân sách:**

Chi ngân sách xã năm 2024 là: 9.148.507.616 đồng

Trong đó:

- Chi thường xuyên: 7.650.940.997 đồng
- Chi ĐTXDCB: 1.497.566.619 đồng

Trong năm 2024 UBND xã Khe Mo thực hiện các khoản chi ngân sách kịp thời, đảm bảo theo dự toán và các quy định trong quản lý tài chính.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện dự toán năm 2024 của UBND xã Khe Mo./.